



biàn yā qì

变压器

noun · transformer

Example Sentences

Zhè ge biàn yā qì bǎ diàn yā jiàng dī le
这个变压器把电压降低了。

This transformer lowered the voltage.

Gōng rén zhèng zài xiū lǐ sǔn huài de biàn yā qì
工人正在修理损坏的变压器。

Workers are repairing the damaged transformer.

Trace each character, then write the word on your own.

变	变	变	变	变	变	变	变	变	变	变
压	压	压	压	压	压	压	压	压		
器	器	器	器	器	器	器	器	器	器	器
器	器	器	器	器	器	器	器			